

TỔNG CÔNG TY THUỶ SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÃ SỐ THUẾ: 0310745210

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ 4 NĂM 2016

TP.Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2017

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.936.805.850	342.983.311.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.065.174.551	224.511.256.267
1. Tiền	111		32.234.423.598	8.434.051.413
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.830.750.953	216.077.204.854
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	86.457.564.337
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	86.457.564.337
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.865.983.118	14.566.077.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.553.247.189	5.899.829.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.206.551.820	1.345.273.348
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.843.162.624	8.797.426.212
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.736.978.515)	(1.476.450.857)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.797.341.109	7.346.734.619
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.797.341.109	7.346.734.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.307.072	10.101.678.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	206.300.455	197.875.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.006.617	1.095.380.608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	8.808.422.563
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.556.892.612.120	1.003.089.469.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.045.442.463	1.038.753.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.045.442.463	1.038.753.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.489.541.092	63.906.571.041
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	35.301.397.865	39.812.304.043
- Nguyên giá	222		99.185.120.082	102.864.419.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.883.722.217)	(63.052.115.696)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	23.188.143.227	24.094.266.998
- Nguyên giá	228		25.979.238.472	25.979.238.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.791.095.245)	(1.884.971.474)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		561.179.178.034	362.251.088
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	561.179.178.034	362.251.088
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		935.982.955.440	936.787.450.914
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	662.982.094.919	662.982.094.919
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	138.356.750.401	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(17.014.371.267)	(16.030.355.793)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.899.520.000	2.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		195.495.091	994.443.162
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	195.495.091	994.443.162
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.632.829.417.970	1.346.072.781.123

TỔNG CÔNG TY THÙY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		349.830.685.449	88.300.078.248
I. Nợ ngắn hạn	310		331.633.459.304	80.514.675.248
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.221.000	4.815.366.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.262.000	1.439.738.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	735.867.272	82.576.545
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.271.869.401	3.885.164.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.521.665.168	3.406.961.802
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	389.765.962	66.747.544.012
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	316.600.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	79.808.501	137.322.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.197.226.145	7.785.403.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		2.101.797.145	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	16.095.429.000	7.785.403.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.282.998.732.521	1.257.772.702.875
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.282.998.732.521	1.257.772.702.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(95.950.000)	(50.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	391.160.144	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	32.703.522.377	7.823.202.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.988.232.587	7.823.202.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.715.289.790	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.632.829.417.970	1.346.072.781.123

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


 Vũ Thị Hồng Gấm
 Người lập


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ(Dạng đầy đủ)
Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.566.974.983	16.431.178.958	109.698.873.164	52.300.787.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	4.322.718	2.750.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.566.974.983	16.431.178.958	109.694.550.446	52.298.037.038
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.904.673.672	11.883.433.180	89.785.997.524	36.593.920.240
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.662.301.311	4.547.745.778	19.908.552.922	15.704.116.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	33.945.208.417	9.067.329.863	63.697.650.138	84.338.772.598
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.694.321.585	16.245.412.155	13.578.686.586	18.314.450.577
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.686.879.886	(44.000)	12.490.066.440	1.524.663.563
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	517.585.241	758.229.964	2.226.375.245	1.993.861.323
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.675.781.378	13.144.331.151	30.636.715.048	37.619.382.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.719.821.524	(16.532.897.629)	37.164.426.181	42.115.194.636
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.037.909.501	975.782.001	2.067.262.547	2.786.901.102
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.129.414.978	(264.806.665)	13.516.398.938	828.995.567
13. Lợi nhuận khác	40		(9.091.505.477)	1.240.588.666	(11.449.136.391)	1.957.905.535
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.628.316.047	(15.292.308.963)	25.715.289.790	44.073.100.171
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	265.012.456	-	607.553.499
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	23.120.322.931
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.628.316.047	(15.557.321.419)	25.715.289.790	20.345.223.741
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-


Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập


Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng




Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.715.289.790	44.073.100.171
2. Điều chỉnh cho các khoản:			(36.207.542.627)	(61.891.471.695)
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	8.693.238.344	4.080.356.617
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	6.244.543.132	(2.560.369.083)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		784.804	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.8	(63.636.175.347)	(64.936.166.792)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.490.066.440	1.524.707.563
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(77.795.811.074)	(632.943.843.194)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.200.721.305)	11.385.041.406
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		549.393.510	383.526.811
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(58.778.585.703)	(9.699.964.596)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		790.522.723	(180.801.307)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4, V.15	(12.490.066.440)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		988.367.376	45.206.909
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18, VII	(654.721.235)	(634.876.852.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88.288.063.911)	(650.762.214.718)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(557.137.627.289)	(165.887.660)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	(6.741.333.128)	1.381.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.348.045.109)	(6.167.423.831)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.626.089.446	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	8.971.931.600
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.218.845.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	63.422.000.423	65.015.479.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(414.178.915.657)	79.874.326.174

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		267.132.656	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19a	(1.845.450.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	380.600.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(64.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		315.021.682.656	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(187.445.296.912)	(570.887.888.544)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.511.256.267	769.541.961.796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(784.804)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	37.065.174.551	198.654.073.252

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


 Vu Thị Hồng Gấm
 Người lập


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ Quý IV năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Chế biến thực phẩm	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	Chế biến thực phẩm	50,78%	50,78%	50,78%
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	62,37%	62,37%	62,37%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị	46,36%	46,36%	46,36%
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	26,01%	26,01%	26,01%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Nuôi trồng thủy sản	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. Hồ Chí	Chế biến thủy sản	24,90%	24,90%	24,90%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Minh. Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Chế biến thủy sản	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	26,90%	26,90%	26,90%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	36,40%	36,40%	36,40%
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh, chế biến thủy sản	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn gia súc	22,08%	22,08%	22,08%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 87 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí cải tạo văn phòng và chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 32
Máy móc và thiết bị	13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ đông như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	130.080.935	150.077.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.688.324.863	8.283.973.913
Các khoản tương đương tiền (*)	5.246.768.753	216.077.204.854
Cộng	37.065.174.551	224.511.256.267

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 1.787.309.553 VND (số đầu năm là 0 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn			86.457.564.337	86.457.564.337
Tiền gửi có kỳ hạn			86.457.564.337	86.457.564.337
Dài hạn	2.899.520.000	2.899.520.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.899.520.000	2.899.520.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Cộng	2.899.520.000	2.899.520.000	89.177.564.337	89.177.564.337

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi này bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	148.758.961.387	-	148.758.961.387	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	31.450.200.000	-	31.450.200.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập	79.223.570.400	-	79.223.570.400	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
khẩu Thủy sản Năm Căn				
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	38.085.190.987	-	38.085.190.987	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	662.982.094.919	(4.867.500.000)	662.982.094.919	(4.867.500.000)
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	-
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	-	2.822.244.376	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	9.362.396.255	-	9.362.396.255	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000	(4.867.500.000)
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	36.071.360.000	-	36.071.360.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	-	7.055.024.691	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	39.992.400.000	-	39.992.400.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	-	10.918.845.000	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	546.897.499.662	-	546.897.499.662	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	138.356.750.401	(12.146.871.267)	138.356.750.401	(11.162.855.793)
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh	53.249.400.000	-	53.249.400.000	(8.407.800.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	23.144.531.354	(9.271.237.750)	23.144.531.354	(220.877.579)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam	6.505.488.945	-	6.505.488.945	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị hàng hải - Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	(79.178.214)	995.940.542	(79.178.214)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272	(341.455.303)	553.333.272	-
Công ty Cổ phần Biển Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	(455.000.000)
Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản	148.403.919	-	148.403.919	-
Cộng	950.097.806.707	(17.014.371.267)	950.097.806.707	(16.030.355.793)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3 năm 2015, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VNĐ dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga tạm thời ngưng hoạt động.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.030.355.793	-
Trích lập dự phòng bổ sung	9.391.815.474	-
Hoàn nhập dự phòng	(8.407.800.000)	-
Số cuối kỳ	17.014.371.267	-

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung		
<i>Nhận cổ tức</i>	3.494.030.400	4.374.030.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội		
<i>Nhận cổ tức</i>	2.967.000.000	2.670.300.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
<i>Nhận cổ tức</i>	4.570.590.600	3.554.903.800
<i>Mua hàng hóa</i>	25.208.179.200	4.627.022.400
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè		
<i>Nhận cổ tức</i>	130.050.000	104.040.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long <i>Nhận cổ tức</i>	234.200.000	256.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam <i>Nhận cổ tức</i>	1.227.870.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 <i>Nhận cổ tức</i>	2.608.200.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long <i>Nhận cổ tức</i>	2.081.040.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 <i>Nhận cổ tức</i>	554.400.000	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco <i>Nhận cổ tức</i>	30.052.749.880	6.989.011.600

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

(*) Tổng công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2016 do chưa có Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 của các đơn vị.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành	24.716.316.875	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.739.455.300	2.732.870.941
GLOBALIM	2.079.955.600	-
Công ty TNHH Công ích Bảo An	357.067.954	-
Cơ sở Kala	444.009.945	510.439.000
CTCP ĐT & PT DV Giải trí Sài Gòn	645.625.815	-
Các khách hàng khác	1.570.815.700	2.656.519.173
Cộng	31.553.247.189	5.899.829.114

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát	610.830.342	610.830.342
Công ty TNHH MTV Phi Huỳnh	760.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch và Thủy sản nước lạnh Thác Bạc	450.000.000	350.000.000
Các nhà cung cấp khác	385.721.478	384.443.006

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	2.206.551.820		1.345.273.348	

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.743.632.741	1.743.632.741	2.736.632.741	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Phải thu tiền cho vay và lãi cho vay	1.743.632.741	1.743.632.741	1.743.632.741	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	693.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.099.529.883	2.419.958.868	6.060.793.471	-
Tiền lãi dự thu	291.849.586	-	2.932.087.687	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi	1.521.188.795	1.521.188.795	1.521.188.795	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh	525.747.790	368.023.453	525.747.790	-
Tạm ứng	186.339.000	-	29.488.337	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	574.404.712	530.746.620	1.052.280.862	-
Cộng	4.843.162.624	4.163.591.609	8.797.426.212	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Bình Minh					
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	150.000.000	75.000.000	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	240.000.000
Công ty TNHH Sản	-				168.000.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
xuất và Thương mại Năm Vàng						
	<i>Từ 02 năm đến</i>			<i>Từ 01 năm đến</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>dưới 03 năm</i>	525.747.790	157.724.337	<i>dưới 02 năm</i>	525.747.790	262.873.895
Ông Phan Văn Trí						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	343.294.620	-	<i>Trên 03 năm</i>	343.294.620	-
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	187.452.000	-	<i>Trên 03 năm</i>	187.452.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Hòa Phát						
<i>Ứng trước người bán</i>	<i>Trên 03 năm</i>	610.830.342	-	<i>Trên 03 năm</i>	610.830.342	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia, tiền cho vay + lãi						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.743.632.741	-	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	2.043.632.741	2.043.632.741
DNTN Tân Vạn Phát						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.739.455.300	-	<i>Trên 03 năm</i>	2.732.870.941	2.732.870.941
<i>Phải thu khác</i>	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.521.188.795		<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.521.188.795	1.521.188.795
Cộng		6.821.601.588	232.724.337		8.205.017.229	6.728.566.372

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.476.450.857	-
Trích lập dự phòng bổ sung	5.924.296.702	2.293.632.741
Hoàn nhập dự phòng	(663.769.044)	
Số cuối kỳ	6.736.978.515	2.293.632.741

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	242.975.930	-	160.860.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	90.288.086	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.554.365.179	-	7.035.065.818	-
Thành phẩm	-	-	60.520.715	-
Cộng	6.797.341.109	-	7.346.734.619	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	89.850.138.973	7.885.208.844	4.824.235.003	304.836.919	102.864.419.739
Thanh lý, nhượng bán	(2.225.671.137)	(300.000.000)	(1.153.628.520)	-	(3.679.299.657)
Số cuối kỳ	87.624.467.836	7.585.208.844	3.670.606.483	304.836.919	99.185.120.082
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.175.760.000	2.226.194.446	1.053.171.428	248.146.010	4.703.271.884
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	52.949.271.347	6.401.071.918	3.432.467.168	269.305.263	63.052.115.696
Khấu hao trong kỳ	5.419.254.227	527.256.623	1.812.741.092	27.862.631	7.653.589.681
Thanh lý, nhượng bán	(4.322.402.288)	(272.564.104)	(2.360.541.660)	-	(6.955.508.052)
Số cuối kỳ	54.046.123.286	6.655.764.437	2.884.666.600	297.167.894	63.883.722.217
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	36.900.867.628	1.484.136.924	1.391.767.835	35.531.656	39.812.304.043
Số cuối kỳ	33.578.344.550	929.444.407	785.939.883	7.669.025	35.301.397.865

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.532.342.472	446.896.000	25.979.238.472
Số cuối kỳ	25.532.342.472	446.896.000	25.979.238.472
<i>Trong đó:</i>			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.739.338.307	145.633.167	1.884.971.474
Khấu hao trong kỳ	785.610.540	120.513.231	906.123.771
Số cuối kỳ	2.524.948.847	266.146.398	2.791.095.245
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.793.004.165	301.262.833	24.094.266.998
Số cuối kỳ	23.007.393.625	180.749.602	23.188.143.227

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chi phí phát sinh		Giảm khác	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	trong kỳ		
Xây dựng cơ bản dở dang	339.148.038	560.689.379.996	-	561.028.528.034
- Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.	229.453.856	-	-	229.453.856
- Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, TP. Hà Nội	109.694.182	-	-	109.694.182
- Giá trị đất, nhà tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ^(*)	-	560.689.379.996	-	560.689.379.996
Sửa chữa lớn tài sản cố định	23.103.050	282.100.000	154.553.050	150.650.000
Cộng	362.251.088	560.971.479.996	154.553.050	561.179.178.034

(*) Tiền mua quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	0	4.627.022.400
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	3.221.000	188.344.450
Cộng	3.221.000	4.815.366.850

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	33.367.586	-	685.105.389	(564.655.410)	101.167.565	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.808.422.563	8.808.422.563	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.208.959	-	1.402.092.710	(1.285.425.698)	67.448.867	-
Tiền thuê đất	-	-	3.152.366.008	(2.605.076.408)	547.289.600	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	57.908.621	(37.947.381)	19.961.240	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	82.576.545	8.808.422.563	14.109.895.291	(4.497.104.897)	735.867.272	

Thuế giá trị gia tăng

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cá tầm	Không chịu thuế
- Hàng xuất khẩu	0%
- Hàng tiêu thụ nội địa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.715.289.790	59.365.409.134
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.473.770.077	32.779.993
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.189.059.867	59.398.189.127
Thu nhập miễn thuế	(58.589.815.280)	(52.235.533.400)
Thu nhập tính thuế	(20.400.755.413)	7.162.655.727
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu của các năm trước	-	342.541.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	342.541.043

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Lương phải trả công nhân viên và Ban lãnh đạo.

14. Chi phí phải trả

14a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	10.272.155.553	1.524.663.563
Chi phí người đại diện vốn	144.509.615	128.528.846

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí kiểm toán	105.000.000	
Cộng	10.521.665.168	1.653.192.409
14a. Chi phí phải trả dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.077.470.720	1.558.103.040
Tiền án phí	5.457.486	16.559.018
Các chi phí phải trả dài hạn khác	18.868.939	179.107.335
Cộng	2.101.797.145	1.753.769.393
15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
15a. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh	-	61.682.188.540
Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam	71.394.789	71.394.789
Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động	59.156.355	110.957.200
Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi	-	4.396.858.180
Kinh phí công đoàn	8.328.612	8.105.087
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	250.886.206	477.436.340
Cộng	389.765.962	66.747.544.012
15b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Miền Trung – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	14.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.095.429.000	7.771.403.000
Cộng	16.095.429.000	7.785.403.000
15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	36.600.000.000	-
Vay ngắn hạn tổ chức khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 ⁽ⁱⁱ⁾	280.000.000.000	-
Cộng	316.600.000.000	-

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn vay 11 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2a).
- (ii) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số V.2b)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	100.600.000.000	(64.000.000.000)	36.600.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Cộng	-	380.600.000.000	(64.000.000.000)	316.600.000.000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.877.059	156.464.058	(99.777.059)	60.564.058
Quỹ phúc lợi	133.445.445	440.743.174	(554.944.176)	19.244.443
Cộng	137.322.504	597.207.232	(654.721.235)	79.808.501

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước (*)	1.250.000.000.000	-	-	-	1.250.000.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(50.500.000)	-	-	(50.500.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.823.202.875	7.823.202.875
Số dư cuối năm trước	1.250.000.000.000	(50.500.000)	-	7.823.202.875	1.257.772.702.875
Số dư đầu năm nay	1.250.000.000.000	(50.500.000)	-	7.823.202.875	1.257.772.702.875
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(45.450.000)	-	-	(45.450.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.715.289.790	25.715.289.790
Trích lập các quỹ	-	-	391.160.144	(834.970.288)	(443.810.144)
Số dư cuối kỳ này	1.250.000.000.000	(95.950.000)	391.160.144	33.538.492.665	1.282.998.732.521

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Số dư đầu năm trước là số nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang tại ngày 17 tháng 4 năm 2015.

18b. Chi tiết cổ phiếu của các chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	79.228.000	79.228.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Miền Nam	-	18.750.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	16.750.000	-
Công ty Cổ phần Nova Bắc Nam 79	25.125.000	-
Ông Nguyễn Văn Liêm	-	12.500.000
Ông Vũ Cao Trung	-	3.787.500
Ông Nguyễn Khái Hưng	-	3.787.500
Các cổ đông khác	3.897.000	6.947.000
Cộng	125.000.000	125.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	5.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500	5.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 298,90 USD (số đầu năm là 214.137,80 USD).

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627	Quá hạn thanh toán
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận	41.000.000	41.000.000	Quá hạn thanh toán
Hải quan TP. Hồ Chí Minh	6.231.565	6.231.565	Quá hạn thanh toán
Cộng	95.146.192	95.146.192	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm này	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	16.362.913.514	4.802.846.400	66.730.007.044	15.151.789.320
Doanh thu bán thành phẩm	3.837.393.632	6.101.363.340	16.919.994.040	14.681.231.110
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.366.667.837	5.526.969.218	26.048.872.080	22.467.766.858
Cộng	24.566.974.983	16.431.178.958	109.698.873.164	52.300.787.288

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm này	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.852.903.476	3.259.886.047	64.775.061.805	14.608.670.844
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.418.384.487	3.512.156.203	11.949.088.794	10.520.303.960
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.633.385.709	5.111.390.930	13.061.846.925	11.464.945.436
Cộng	19.904.673.672	11.883.433.180	89.785.997.524	36.593.920.240

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm này	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	488.521.601	5.792.375.706	4.558.336.455	18.513.646.694
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.608.149	6.343.227	155.574.956	76.635.808
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.376.517.980	2.582.618.100	58.589.815.280	54.818.151.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	59.054.932	23.095.976	105.026.123	25.896.948
Lãi bán hàng trả chậm	15.505.755	-	288.897.324	149.701.039
Doanh thu tài chính khác				10.929.645
Lãi chuyển nhượng công ty LK		662.896.854	-	10.743.810.964
Cộng	33.945.208.417	9.067.329.863	63.697.650.138	84.338.772.598

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u> <u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.686.879.886		12.490.066.440	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.441.699	10.385.449	42.007.161	10.385.449
Lãi phải trả nhà đầu tư	-	-		1.524.663.563
Lỗ do định giá lại các khoản đầu tư	-	-		292.319.195
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-16.030.355.793		984.015.474	16.030.355.793
Chi phí tài chính khác		204.670.913	62.597.511	456.726.577
Cộng	5.694.321.585	16.245.412.155	13.578.686.586	18.314.450.577

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u> <u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	255.792.032	393.804.769	1.049.684.891	858.684.217
Chi phí vật liệu, bao bì	5.031.000	7.200.244	15.408.400	44.676.602
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	58.358.205	87.257.677	195.279.433	180.821.967
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.060.612	2.563.779	60.242.448	60.242.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.384.648		378.372.582	
Các chi phí khác	28.958.744	267.403.495	527.387.491	849.436.089
Cộng	517.585.241	758.229.964	2.226.375.245	1.993.861.323

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u> <u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.353.418.002	6.096.919.232	14.767.670.659	21.516.658.375
Chi phí vật liệu quản lý	67.067.678	85.126.698	228.188.700	373.115.871
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.307.801	374.841.736	760.853.254	961.089.157
Chi phí khấu hao TSCĐ	836.393.886	817.287.237	3.094.433.070	2.562.387.396
Thuế, phí và lệ phí	417.430.250	2.465.605.657	779.676.061	5.609.166.918

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý IV/2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm này	Năm trước
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	- 275.667.780	1.476.450.857	5.260.527.658	817.181.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.787.869.847	14.941.649	3.368.123.816	1.390.396.457
Các chi phí khác	311.961.694	1.813.158.085	2.377.241.830	6.023.750.570
Cộng	4.675.781.378	13.144.331.151	30.636.715.048	37.619.382.860

7. Thu nhập khác

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm này	Năm trước
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	270.290.140	338.358.962	1.253.799.474	1.567.741.341
Thanh lý TSCĐ	743.563.636	-	749.018.181	55.831.818
Tiền thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	489.832.370
Thu nhập khác	24.055.725	637.423.039	64.444.892	673.495.573
Cộng	1.037.909.501	975.782.001	2.067.262.547	2.786.901.102

8. Chi phí khác

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm này	Năm trước
Chi phí người đại diện vốn	295.875.000	-265.269.998	627.230.770	709.316.948
Thuế bị truy thu, bị phạt	9.464.715.933	-	12.352.173.452	85.422.924
Lỗi thanh lý tài sản cố định	368.824.045	-	534.843.257	-
Chi phí khác	-	463.333	2.151.459	34.255.695
Cộng	10.129.414.978	-264.806.665	13.516.398.938	828.995.567

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Văn phòng Tổng Công ty đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phần chênh lệch giữa giá trị phân vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 135.139.993 đồng. Năm 2016, tổng số tiền nộp về ngân sách Nhà nước liên quan đến cổ phần hoá là 61.383.103.392 đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


Vũ Thị Hồng Gấm
 Người lập biểu


Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc